

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hưng Yên.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/Tu ngày 12/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XXI về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2024;

Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024 như sau:

### Phần thứ nhất

#### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

##### I. TÌNH HÌNH GIAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023.

###### 1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách năm 2023: 902,344 tỷ đồng.

###### Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 183,315 tỷ đồng, bao gồm:
  - + Nguồn giao đầu năm: 129,5 tỷ đồng;
  - + Nguồn vốn kéo dài từ các năm trước chuyển sang: 48,115 tỷ đồng;
  - + Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung Trong năm: 5,7 tỷ đồng;
  - Vốn ngân sách tập trung: 23,324 tỷ đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 648,827 tỷ đồng (Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất do thành phố làm chủ đầu tư: 308,827 tỷ đồng; Nguồn thu tiền sử dụng đất do phường, xã làm chủ đầu tư: 340,0 tỷ đồng).

- Bổ sung từ nguồn tăng thu, kết dư tiền sử dụng đất năm 2022: 44,078 tỷ đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất chuyển đổi (đôi dư): 2,8 tỷ đồng.

## **2. Về tình hình giao và điều chỉnh kế hoạch:**

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thành phố Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư dự án theo đúng thời hạn quy định. Trong năm UBND thành phố đã ban hành các quyết định: Số 3113/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023; số 3271/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 về việc bổ sung nguồn vốn các công trình từ nguồn tăng thu.

## **II. KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023.**

Qua 11 tháng nhìn chung tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công của thành phố còn thấp, tổng giải ngân các nguồn vốn được 364,974 tỷ đồng đạt 40,45% kế hoạch vốn. Dự kiến giải ngân cả năm đạt 732,379 tỷ đồng, đạt 81,16% kế hoạch vốn. Cụ thể tình hình thực hiện và giải ngân các nguồn vốn năm 2023 như sau:

**1. Từ nguồn vốn ngân sách tỉnh phân bổ trực tiếp:** Kế hoạch vốn giao 183,315 tỷ đồng, (trong đó: Nguồn giao đầu năm 129,5 tỷ đồng; nguồn vốn kéo dài từ các năm trước chuyển sang: 48,115 tỷ đồng; nguồn ngân sách tỉnh bổ sung năm 2023: 5,7 tỷ đồng). Đến hết ngày 30/11/2023 giải ngân là: 118,243 tỷ đồng đạt 64,50% kế hoạch vốn (trong đó: Nguồn giao đầu năm: Giải ngân đạt 70,212 tỷ đồng đạt 54,22% kế hoạch; nguồn vốn kéo dài từ các năm trước chuyển sang: Giải ngân đạt 47,729 tỷ đồng đạt 99,20% kế hoạch; nguồn ngân sách tỉnh bổ sung năm 2023: Giải ngân là: 0,302 tỷ đồng đạt 5,3% kế hoạch vốn). Dự kiến giải ngân cả năm 175,23 tỷ đồng, đạt 95,59% kế hoạch vốn.

**2. Từ nguồn vốn ngân sách tập trung:** Kế hoạch giao 23,324 tỷ đồng. Đến hết ngày 30/11/2023 giải ngân là: 9,862 tỷ đồng đạt 42,28% kế hoạch vốn. Dự kiến giải ngân cả năm là 23,324 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn.

**3. Nguồn thu tiền sử dụng đất:** Kế hoạch giao là 648,827 tỷ đồng (Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất do thành phố làm chủ đầu tư: 308,827 tỷ đồng; Nguồn thu tiền sử dụng đất do phường, xã làm chủ đầu tư: 340,0 tỷ đồng),

Đến hết ngày 30/11/2023 giải ngân là: 227,644 tỷ đồng đạt 35,09% kế hoạch vốn kế hoạch vốn. Dự kiến giải ngân cả năm là 487,045 tỷ đồng, đạt 75,07% kế hoạch vốn. Trong đó:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất do thành phố làm chủ đầu tư: Giải ngân là 135,863 tỷ đồng, đạt 43,99% kế hoạch vốn. Dự kiến giải ngân cả năm là 301,327 tỷ đồng, đạt 97,57% kế hoạch vốn.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất do phường, xã làm chủ đầu tư: Giải ngân là 91,778 tỷ đồng đạt 26,99% kế hoạch vốn. Dự kiến giải ngân cả năm là 185,718 tỷ đồng, đạt 54,62% kế hoạch vốn.

**4. Bổ sung từ nguồn tăng thu, kết dư tiền sử dụng đất năm 2022:** 44,078 tỷ đồng. Đến hết ngày 30/11/2023 giải ngân là: 9,225 tỷ đồng, đạt 20,93% kế hoạch vốn. Dự kiến giải ngân cả năm là 44,078 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn.

**5. Từ nguồn thu tiền sử dụng đất chuyển đổi (đôi dư):** Dự kiến thực hiện cả năm 2,7 tỷ đồng, đạt 96,43% kế hoạch vốn.

(Phụ lục số 01; 02; 03 kèm theo)

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

#### 1. Kết quả thực hiện:

Thành ủy, HĐND, UBND thành phố đã chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị của thành phố, các chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư khắc phục khó khăn thực hiện nghiêm túc kế hoạch đầu tư công năm 2023 và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, thành phố. Đã chỉ đạo các chủ đầu tư tập trung đầu tư xây dựng hoàn thành các công trình để sớm đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

+ Tiếp tục thực hiện Quyết định số 481-QĐ/TU ngày 31/3/2022 của Thành ủy Hưng Yên về thành lập Ban chỉ đạo các dự án trọng điểm thành phố Hưng Yên giai đoạn 2021-2025 và Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 31/3/2022 của Thành ủy Hưng Yên về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác GPMB triển khai các công trình, dự án trên địa bàn thành phố. Các dự án trọng điểm của thành phố được đưa vào đầu tư xây dựng góp phần chỉnh trang đô thị, xây dựng thành phố Hưng Yên sớm trở thành đô thị loại II. Công tác GPMB được đẩy nhanh đáp ứng tiến độ thi công các dự án.

+ UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 về việc thành lập Tổ công tác thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công thành phố Hưng Yên năm 2023, tổ công tác do đồng chí Phó chủ tịch Thường trực UBND thành phố làm tổ trưởng, thành viên các tổ công tác là đại diện lãnh đạo các phòng, ban đơn vị và chủ tịch UBND các phường, xã. Hàng tháng Tổ công tác đã tổ chức các cuộc họp để kiểm điểm tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; tại các cuộc họp tổ công tác yêu cầu các đơn vị chủ đầu tư báo cáo tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và khó khăn vướng mắc của từng dự án do đơn vị quản lý, các dự án khó khăn vướng mắc ở đâu, liên quan đến đơn vị nào thì đơn vị đó trực tiếp báo cáo tại cuộc họp để kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn. Thành phố đã ban hành nhiều văn bản để đôn đốc các đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023.

+ Thực hiện việc ủy quyền cho thành phố quyết định giá đất cụ thể. UBND

thành phố đã ban hành Quyết định số 1329/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 về việc thành lập Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể thành phố Hưng Yên do Đ/c Chủ tịch UBND thành phố làm chủ tịch Hội đồng, định kỳ hàng tuần họp hội đồng để xác định giá đất đền bù và giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất từ đó đã đẩy nhanh được công tác giải phóng mặt bằng các dự án.

- Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 được phân bổ đúng mục tiêu và đảm bảo quy định của Luật Đầu tư công; Chỉ thị Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết của HĐND tỉnh; HĐND thành phố về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023.

- Nguồn vốn đầu tư công của thành phố được bố trí tập trung, ưu tiên bố trí vốn đầu tư các dự án đã hoàn thành, dự án chuyển tiếp cần bố trí vốn để hoàn thành dứt điểm, hạn chế các dự án khởi công mới. Tập trung đầu tư hoàn thành, sớm đưa các công trình vào khai thác sử dụng, phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

- Một số dự án quan trọng được đẩy nhanh tiến độ thực hiện góp phần vào việc cải thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, văn hóa, thể thao của thành phố như: Đường giao thông liên xã Phú Cường - Hùng Cường (đoạn từ thôn Tân Mỹ 2, xã Phú Cường đến đê bối xã Hùng Cường; Đường giao thông liên xã Hồng Nam – Liên Phương – Phương Chiểu (đoạn từ đường Lê Đình Kiên đến đường nối hai đường cao tốc); Cải tạo, nâng cấp đường phía Tây sông Điện Biên (đoạn từ đường Chùa Diều đến hết địa phận thành phố Hưng Yên); Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Đoàn Thị Điểm, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Lê Lai, thành phố Hưng Yên; Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật đến Dốc Đá; Cải tạo một số hạng mục công viên Nam Hòa; Xây dựng trung tâm thể thao thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà luyện tập và sân vận động)...

- Kế hoạch đầu tư công năm 2023 thành phố triển khai thực hiện 164 dự án; Hoàn thành thảm bê tông nhựa được 50.645m<sup>2</sup>; lát vỉa hè 26.137 m<sup>2</sup>; Xây dựng hệ thống cống thoát nước 10.021m; đường điện chiếu sáng, trung và hạ thế 11.690m; Xây dựng và cải tạo 30 phòng học...

## **2. Tồn tại, khó khăn vướng mắc, nguyên nhân:**

### **2.1. Tồn tại, khó khăn vướng mắc.**

- Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023 không đạt kế hoạch đề ra dẫn đến phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư công.

- Một số dự án không giải ngân hết kế hoạch vốn dẫn đến phải giảm nguồn kế hoạch giao.

- Tiến độ thi công một số dự án còn chậm chưa đảm bảo tiến độ thực hiện của dự án.

- Công tác GPMB các dự án đã được quan tâm tập trung thực hiện tuy nhiên vẫn còn một số dự án còn vướng mắc làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

## 2.2. Nguyên nhân.

- Những tháng đầu năm trở về trước thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất thuộc UBND tỉnh do đó ảnh hưởng không ít đến thời gian, tiến độ đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở các khu dân cư mới, bên cạnh đó thị trường bất động sản vẫn trầm lắng tác động vào tâm lý chung của xã hội và lượng người tham gia đấu giá đất ít, giá trúng đấu giá không cao ảnh hưởng đến nguồn thu đấu giá QSDĐ.

- Giá vật tư xây dựng vẫn ở mức cao (như các mặt hàng sắt thép, xăng dầu, cát, cát phôi đá dăm, ...) và nguồn cung cấp còn hạn chế (đặc biệt cát đen) đã ảnh hưởng lớn tới tiến độ thi công và giải ngân vốn;

- Do nguồn gốc đất phức tạp, cơ chế bồi thường hỗ trợ tài sản gặp khó khăn, một số hộ dân chưa đồng ý nhận tiền nên công tác giải phóng mặt bằng chậm, không bàn giao mặt bằng để triển khai thi công ảnh hưởng đến tiến độ thi công một số dự án.

- Các dự án mới tổng mức đầu tư lớn trình tự thủ tục đầu tư qua nhiều bước, mất nhiều thời gian. Các dự án đều là thiết kế 02 bước, các dự án đều có khối lượng công tác đền bù giải phóng mặt bằng lớn.

- Năm 2023 thành phố được tỉnh giao kế hoạch đầu tư công từ nguồn thu sử dụng đất tăng cao (năm 2022 giao 220 tỷ đồng; năm 2023 giao 480 tỷ đồng). Dự kiến đến hết năm thu được 264,464 tỷ đồng đạt 55,1% kế hoạch giao vì vậy, khó khăn trong việc đảm bảo nguồn vốn bố trí cho các dự án, dẫn đến phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư công.

## 3. Một số giải pháp tiếp tục thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2023:

- Tiếp tục chỉ đạo quán triệt và thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2023 của Chính phủ; Chỉ thị số 44-CT/TU ngày 15/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ; các văn bản của UBND tỉnh và của UBND thành phố.

- Đẩy nhanh tiến độ quá trình thực hiện đầu tư các dự án mới, khởi công các dự án ngay sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư; đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án và công tác nghiệm thu quyết toán không để dồn vào cuối năm không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Đối với các dự án đã có khối lượng thi công, yêu cầu chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị làm thủ tục nghiệm thu khối lượng và giải ngân vốn được giao.

- Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện các dự án từ khâu chuẩn bị đầu tư, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đến

khâu thực hiện dự án; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, chủ tịch UBND thành phố về việc tổ chức thực hiện và kết quả giải ngân của cơ quan, đơn vị mình quản lý.

- Tiếp tục tập trung công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án còn vướng mắc, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các hộ dân hiến đất và bàn giao mặt bằng cho dự án để triển khai thi công dự án theo kế hoạch.

## **Phần thứ hai**

### **KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**

#### **I. Dự kiến nguồn vốn đầu tư công năm 2024:**

Nguồn vốn đầu tư công kế hoạch năm 2024 thành phố Hưng Yên dự kiến là: 692,980 tỷ đồng, bao gồm:

- Ngân sách tỉnh phân bổ trực tiếp cho các dự án: 134,468 tỷ đồng;

- Vốn ngân sách tập trung: 38,512 tỷ đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 520,0 tỷ đồng (Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất do thành phố làm chủ đầu tư: 345,0 tỷ đồng; Nguồn thu tiền sử dụng đất do phường, xã làm chủ đầu tư: 175,0 tỷ đồng).

#### **II. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024:**

1. Việc bố trí vốn ngân sách nhà nước năm 2024 phải đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 973/NQ-UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Việc xây dựng kế hoạch phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025.

3. Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, bảo đảm có thể phân bổ, giao chi tiết cho từng dự án trước ngày 31/12/2023.

4. Bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/NQ-UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 365/2021/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên, cụ thể:

- Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có);

- Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023;

- Bố trí đủ vốn ngân sách nhà nước năm 2024 cho các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2024 theo quy định về thời gian bố trí vốn;
- Bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch;
- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt và quy định về thời gian bố trí vốn;
- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án theo thứ tự ưu tiên nêu trên mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đã có đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

5. Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2023 và tương ứng với cơ cấu từng nguồn vốn của dự án, đồng thời không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

### **III. Dự kiến phương án phân bổ vốn:**

**1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh phân bổ trực tiếp cho các dự án là:** 134,468 tỷ đồng, trong đó: 34,468 tỷ đồng cho 07 dự án chuyển tiếp; 100,0 tỷ đồng cho 03 dự án mới.

**2. Nguồn vốn ngân sách tập trung là:** 38,512 tỷ đồng, phân bổ như sau:

Phân bổ 36,310 tỷ đồng cho 06 dự án chuyển tiếp và 2,202 tỷ đồng hỗ trợ 01 dự án hoàn thành cho UBND các phường, xã.

**3. Nguồn thu tiền sử dụng đất:** 520,0 tỷ đồng, cụ thể:

3.1. Nguồn thu tiền sử dụng đất do thành phố làm chủ đầu tư: 345,0 tỷ đồng.

3.1.1. Phân bổ 250,566 tỷ đồng cho các dự án sử dụng nguồn ngân sách thành phố, cụ thể:

+ Cho 23 dự án chuyển tiếp số vốn là: 92,766 tỷ đồng;

+ Cho 08 dự án mới số vốn là: 49,5 tỷ đồng;

+ Cấp vốn ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Hưng Yên để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách số vốn là: 5,0 tỷ đồng;

+ Bổ sung vốn cho quỹ hỗ trợ nông dân thành phố số vốn là: 0,3 tỷ đồng.

+ Kinh phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật các KDC mới phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất do UBND thành phố làm chủ đầu tư số vốn là: 78,0 tỷ đồng (trong đó phân bổ chi tiết cho các dự án là 68,0 tỷ đồng; số vốn còn lại 10,0 tỷ đồng chưa phân bổ chi tiết, dự kiến phân bổ cho các dự án theo tiến độ thực hiện thực tế của từng dự án);

+ Cho các dự án được phê duyệt quyết toán trong năm số vốn là: 25,0 tỷ đồng;

3.1.2. Đổi ứng 36,5 tỷ đồng cho 05 dự án sử dụng ngân sách tỉnh hỗ trợ;

3.1.3. Hỗ trợ UBND các phường, xã số vốn là: 57,934 tỷ đồng (Trong đó: Cho 01 dự án hoàn thành số vốn là: 1,5 tỷ đồng; cho 24 dự án chuyển tiếp số vốn là: 50,434 tỷ đồng; cho 04 dự án mới số vốn là: 6,0 tỷ đồng).

3.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất do phường, xã làm chủ đầu tư: 175,0 tỷ đồng.  
*(Chi tiết dự kiến danh mục và mức phân bổ tại các phụ lục số 04; 05; 06 kèm theo)*

**IV. Nguồn vốn xã hội hóa (nguồn dân tiến công đức):** 16,61 tỷ đồng. Cụ thể: 15,0 tỷ đồng cho cho dự án Tu bổ, tôn tạo quần thể di tích lịch sử và kiến trúc quốc gia đặc biệt Phố Hiến; 1,61 tỷ đồng cho dự án Số hóa di sản văn hóa thành phố Hưng Yên.

*(Chi tiết tại phụ lục số 07 kèm theo)*

Năm 2024 là năm tiếp theo triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm 2021-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế giai đoạn tới, trong điều kiện nguồn thu ngân sách của thành phố còn nhiều khó khăn, nguồn vốn dành cho đầu tư phát triển còn hạn hẹp, trong khi nhu cầu vốn đầu tư công là rất lớn, đòi hỏi các đơn vị được UBND thành phố giao nhiệm vụ chủ đầu tư (đại diện chủ đầu tư) và UBND phường, xã cần sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tiết kiệm, tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và thanh toán vốn, sớm đưa các công trình, dự án vào khai thác sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và kế hoạch đầu tư công năm 2024. Ủy ban nhân dân thành phố trân trọng báo cáo.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

Doãn Quốc Hoàn

**Noi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Các đ/c đại biểu HĐND TP;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Chi cục Thuế khu vực TP Hưng Yên-Kim Động;
- Lưu VT, CVNC.













Quyết định điều tra/ Quyết định chia trường đất tuỳ theo											Ước khai huy động thực hiện			
TT	Tên công trình	Số QB ngày, tháng, năm	Tổng số	NSTP	Tổng số	Ngân sách ấp trung				Ngân thu tiền sử dụng đất				
						Tổng số	Giao kế hoạch đầu năm	Tổng số	Điều chỉnh	Tổng số	Ngân thu tiền SĐD chuyển đổi (đã trả)	Tổng số	Ngân thu tiền sử dụng đất	
2	Khu dân cư mới xã Phượng Chùa, thành phố Hưng Yên, xã Tú Lò G1 và Tú Lò G2	Số 1388/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	43.345.627.000	43.345.627.000	0	0	15.000.000.000	-15.000.000.000		11.000.000.000	11.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	
C	Kinh phí bố trí cho các công trình được phê duyệt quyết toán													
D	Hỗ trợ UBND các phường, xã	Số 305/17-TBND ngày 17/11/2021	141.632.065.500	43.224.000.000	0	0	10.500.000.000	24.274.000.000	0	104.392.762.000	141.636.052.800	43.224.000.000	31.724.000.000	
I	Đóng chuyển tiếp	Số 116.531.521.000	48.258.118.000	13.500.000.000	0	0	12.500.000.000	12.500.000.000	0	0	0	13.500.000.000	13.500.000.000	
1	Hỗ trợ UBND xã Phượng Chùa để xây dựng công trình Xây dựng trường THCS và Phường Chùa	Số 212/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	35.763.309.000	7.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000				35.000.000.000	35.000.000.000	1.000.000.000	0	
2	Trường THCS xã Phượng Chùa, Huyện Mê Linh, Công xã Nutzung nau	Số 120/A-QĐ-UBND ngày 23/5/2021	12.410.358.000	5.000.000.000	2.000.000.000					12.000.000.000	12.000.000.000	2.000.000.000		
	Hỗ trợ UBND xã Hoàng Minh và xây dựng công trình Xây dựng nhà ở xã hội tại xã Hoàng Minh và xã Nghĩa Lộ, huyện Mê Linh, Công xã Nutzung nau	Số 3476/QĐ-UBND ngày 30/11/2019	12.228.218.000	3.000.000.000			3.000.000.000	3.000.000.000		2.500.000.000	2.000.000.000	500.000.000	3.000.000.000	
3														
4	Hỗ trợ UBND xã Lại Võng, xã Lai Võng, xã Lai Võng, xã Lai Võng	Số 179/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	10.746.482.000	10.000.000.000	2.500.000.000			2.500.000.000	2.500.000.000					2.500.000.000
5	Hỗ trợ UBND xã Quang Chấn để xây dựng công trình Xây dựng nhà ở xã hội tại xã Quang Chấn, huyện Mê Linh, Công xã Nutzung nau	Số 840/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	5.000.000.000	2.000.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000	1.000.000.000					1.000.000.000
6	Hỗ trợ UBND xã Hüng Cường để xây dựng công trình Xây dựng phòng học và phòng học chung 3 tầng và các phòng chức năng, xã Hüng Cường, huyện Mê Linh, Công xã Nutzung nau	Số 423/QĐ-UBND ngày 14/11/2020	10.781.731.000	4.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000	2.000.000.000					2.000.000.000
7	Hỗ trợ UBND xã Hüng Cường để xây dựng công trình Xây dựng nhà thoát nước, sáu lô nhà ở tách riêng trước, sau lô nhà tách riêng, xã Hüng Cường, huyện Mê Linh, Công xã Nutzung nau	Số 81/A-QĐ-UBND ngày 09/2.2022	1.030.063.000	500.000.000						500.000.000	500.000.000			
8														
9	Hỗ trợ UBND xã Phượng Trung để xây dựng công trình Gia tạo, sửa chữa trường lớp giao thông, xã Phượng Trung	Số 292/QĐ-UBND ngày 12/12/2019	4.488.137.000	3.500.000.000	500.000.000					500.000.000	500.000.000			
II	Dự án mới		182.615.524.400	69.274.647.500	15.900.000.000	0	0	11.400.000.000	11.400.000.000	0	8.500.000.000	59.146.500.000	3.500.000.000	
1	Hỗ trợ UBND xã Phượng Chùa để xây dựng công trình Trường Tiểu học Phượng Chùa, xã Phượng Chùa	Số 175/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	3.889.990.000	1.000.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000	1.000.000.000	0				1.000.000.000
2	Hỗ trợ UBND xã Phượng Trung, xã Phượng Trung, xã Phượng Trung	Số 83/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	14.729.427.400	6.000.000.000	1.800.000.000			1.800.000.000	1.800.000.000					1.800.000.000
3	Hỗ trợ UBND xã Phượng Chùa để xây dựng công trình Xây dựng nhà văn hóa, xã Phượng Chùa	Số 306/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	6.832.143.000	2.142.000.000	700.000.000			700.000.000	700.000.000					700.000.000
4	Hỗ trợ UBND xã Phù Cường để xây dựng công trình Xây dựng nhà văn hóa, xã Phù Cường	Số 300/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	3.500.000.000	2.450.000.000	800.000.000			800.000.000	800.000.000					800.000.000

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch năm 2023							Ước khởi lượng thực hiện			Ước giải ngân kế hoạch năm 2023				Tiến độ thực hiện	
		TMDT			Số QĐ ngày, tháng, năm	Ngân sách tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất		Tổng số	Bổ sung từ nguồn tăng thu kết dư tiền sử dụng đất năm 2022	Tổng số	Từ khởi công đến hết 31/12/2022	Từ 01/01/2023 đến hết 31/12/2023	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung từ nguồn tăng thu, kết dư tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn thu tiền SDD chuyển đổi (đôi dù)	
		Tổng số	NSTP	Tổng số		Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó											
5	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Nhà văn hóa và các hạng mục phục vụ thôn Doanh Châu, xã Phú Cường	Số 2597/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND thành phố	4.100.000.000	2.870.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000	1.000.000.000			300.000.000	300.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000		Dang thi cong	
6	Hỗ trợ UBND phường Quang Trung để xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa khu phố Đông Thành - Phường Quang Trung	Số 3009/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	3.000.000.000	2.100.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000	1.000.000.000			300.000.000	300.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000		Dang thi cong	
7	Hỗ trợ UBND xã Quang Châu để xây dựng công trình: Xây dựng đường giao thông xã Quang Châu, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Dương Hứa Mẫn đến đường Cộng binh)	Số 1054/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND xã Quang Châu	47.000.000.000	14.100.000.000	1.500.000.000			1.500.000.000	1.500.000.000			500.000.000	500.000.000		1.500.000.000		1.500.000.000		Dang thi cong	
8	Hỗ trợ UBND xã Hồng Nam để xây dựng công trình: Xây dựng đường GTNT xã Hồng Nam (đoạn từ cầu Diện đến nhà bờ Thuận thôn Điện Biên)	Số 211/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND xã Hồng Nam	14.800.000.000	4.440.000.000	600.000.000			600.000.000	600.000.000			500.000.000	500.000.000		600.000.000		600.000.000		Dang thi cong	
9	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Xây dựng nhà lớp học trường THCS Phú Cường	Số 2016/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	14.509.253.000	10.472.647.500	3.000.000.000			3.000.000.000	3.000.000.000			500.000.000	500.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000		Dang thi cong	
Công trình bổ sung nguồn vốn																5.202.526.400				
10	Hỗ trợ UBND xã Bảo Khe để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường Cát tạo, nâng cấp đường GTNT xã Làng Cường (đoạn từ nhà ông Văn đến ống Trung)	Số 2433/QĐ-UBND, ngày 25/10/2022	7.500.000.000	5.250.000.000	2.000.000.000						2.000.000.000	18.208.000.000		18.208.000.000		2.000.000.000	0	2.000.000.000		Dang thi cong
11	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để xây dựng công trình: Kê đà vía hố sông Tân An, xây dựng đường giao thông đoạn từ Dân ngoài xóm dân nhà ông Nhung	Số 678/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	22.294.701.000	6.000.000.000	3.500.000.000						3.500.000.000	17.932.500.000		17.932.500.000		3.500.000.000	0	3.500.000.000		Dang thi cong
12	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để xây dựng công trình: Cải tạo nòng cấp đường giao thông thôn Đào Đăng, xã Trung Nghĩa	Số 233/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	39.850.000.000	11.000.000.000	3.000.000.000						3.000.000.000	16.500.000.000		16.500.000.000		3.000.000.000	0	3.000.000.000		Dang thi cong
III	Các dự án thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới		86.020.250.000	26.430.000.000	9.824.000.000	0		7.824.000.000	7.824.000.000	0	0	2.000.000.000	49.600.000.000	30.100.000.000	19.500.000.000	9.824.000.000	0	7.824.000.000	2.000.000.000	
1	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Trung Nghĩa (đoạn 1: Từ nhà ông Sinh dãy Sông Nguyễn; Đoạn 2: Từ nhà ông Chiến đến trạm bơm Tinh Linh)	4372/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	13.600.000.000	4.080.000.000	1.224.000.000			1.224.000.000	1.224.000.000			4.500.000.000	3.000.000.000	1.500.000.000	1.224.000.000		1.224.000.000		Dang thi cong	
2	Hỗ trợ UBND xã Tân Hưng để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (đoạn từ Đitch Cà đến nhà bà Thận thôn Tiên Phong)	4213/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	9.800.000.000	2.940.000.000	2.900.000.000			900.000.000	900.000.000			2.000.000.000	5.500.000.000	4.500.000.000	1.000.000.000	2.900.000.000	900.000.000	2.000.000.000		Dang thi cong
3	Hỗ trợ UBND xã Hồng Nam để xây dựng công trình: Nâng cấp đường giao thông xã Hồng Nam (Đoạn từ chùa Tiểu đền nhà ông Trần)	4216/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	5.216.000.000	1.800.000.000	500.000.000			500.000.000	500.000.000			3.500.000.000	2.500.000.000	1.000.000.000	500.000.000		500.000.000		Dang thi cong	
4	Hỗ trợ UBND xã Hoằng Hạnh để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hoằng Hạnh (đoạn từ nhà ông Võ đội 10 thôn Hà Chùa đến giáp thôn Lại xã Tân Hưng)	4215/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	7.400.000.000	2.220.000.000	600.000.000			600.000.000	600.000.000			4.000.000.000	3.000.000.000	1.000.000.000	600.000.000		600.000.000		Dang thi cong	

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023								Ước khởi lượng thực hiện			Ước giải ngân kế hoạch năm 2023				Tiến độ thực hiện			
		TMDT		Số QĐ ngày, tháng, năm	Tổng số	NSTP	Tổng số	Ngân sách tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất		Nguồn thu tiền SDD chuyên đổi (đổi trả)	Bổ sung từ nguồn tăng thu, kết dư tiền sử dụng đất năm 2022	Tổng số	Từ khởi công đến hết 31/12/2022	Từ 01/01/2023 đến hết 31/12/2023	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung từ nguồn tăng thu, kết dư tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn thu tiền SDD chuyên đổi (đổi trả)	
		Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó	Giao kế hoạch đầu năm	Điều chỉnh			Tổng số								
5	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường xã xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên (doan qua thôn Kê Châu 1 và thôn Đồng Hèng)	4214/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	5.500.000.000	1.650.000.000	500.000.000					500.000.000	500.000.000			4.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	500.000.000	500.000.000			Dang thi cong	
6	Hỗ trợ UBND xã Quang Châu xã xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Quang Châu, thành phố Hưng Yên (đoạn từ cầu xóm 8 giáp nhà ông Quyết dân công bến đò cạnh nhà anh Bá)	2126/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	14.920.000.000	4.476.000.000	1.300.000.000					1.300.000.000	1.300.000.000			7.000.000.000	5.000.000.000	2.000.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000			Dang thi cong	
7	Hỗ trợ UBND xã Hùng Cường xã xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn đoạn từ nhà ông Qua đến đê Bờ Xã thôn Phượng Hoàng xã Hùng Cường, thành phố Hưng Yên	39/QĐ-UBND ngày 05/1/2022 của UBND xã Hùng Cường	6.950.000.000	2.085.000.000	600.000.000					600.000.000	600.000.000			5.500.000.000	2.500.000.000	3.000.000.000	600.000.000	600.000.000			Dang thi cong	
8	Hỗ trợ UBND xã Phượng Chiểu xã xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông nông thôn xã Phượng Chiểu, TP Hưng Yên	4370/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	7.654.250.000	2.685.000.000	800.000.000					800.000.000	800.000.000			6.500.000.000	2.500.000.000	4.000.000.000	800.000.000	800.000.000			Dang thi cong	
9	Hỗ trợ UBND xã Bảo Khê xã xây dựng công trình: Nâp lớp học 3 tầng 12 phòng trường tiểu học xã Bảo Khê	4371/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	14.980.000.000	4.494.000.000	1.400.000.000					1.400.000.000	1.400.000.000			9.100.000.000	5.100.000.000	4.000.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000			Dang thi cong	
E	Chí đầu tư XDGB các dự án do phường, xã làm chủ đầu tư và thu tiền đất đai dù				342.800.000.000				340.000.000.000	340.000.000.000			2.800.000.000		172.629.000.000	172.629.000.000	188.418.000.000		185.718.000.000		2.700.000.000	





**PHỤ LỤC 03**

**TÌNH HÌNH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023  
CÁC NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH; BỔ SUNG VỐN NHẬN ỦY THÁC CHO NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI  
VÀ BỔ SUNG VỐN CHO CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH**  
(Kèm theo Báo cáo số 848/BC-UBND ngày 13/12/2023 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023			Ước giải ngân kế hoạch năm 2023			Tiến độ thực hiện	
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT				Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất		
			Tổng số	NSTP							
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>10.953.684.000</b>	<b>10.953.684.000</b>	<b>14.253.684.000</b>		<b>14.253.684.000</b>	<b>14.253.684.000</b>	<b>0</b>	<b>14.253.684.000</b>	
A	Nhiệm vụ lập quy hoạch		<b>10.953.684.000</b>	<b>10.953.684.000</b>	<b>10.953.684.000</b>		<b>10.953.684.000</b>	<b>10.953.684.000</b>	<b>0</b>	<b>10.953.684.000</b>	
I	Phòng Quản lý đô thị thành phố		<b>6.411.796.000</b>	<b>6.411.796.000</b>	<b>6.411.796.000</b>		<b>6.411.796.000</b>	<b>6.411.796.000</b>	<b>0</b>	<b>6.411.796.000</b>	
1	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Trung Nghĩa thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	QĐ số 1523//QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	1.997.440.000	1.997.440.000	1.997.440.000		1.997.440.000	1.997.440.000		1.997.440.000	Đang thực hiện
2	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Liên Phượng thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	QĐ số 1521//QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	2.270.667.000	2.270.667.000	2.270.667.000		2.270.667.000	2.270.667.000		2.270.667.000	Đang thực hiện
3	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Bảo Khê thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	QĐ số 1520//QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	2.143.689.000	2.143.689.000	2.143.689.000		2.143.689.000	2.143.689.000		2.143.689.000	Đang thực hiện
II	UBND xã Quảng Châu		<b>2.469.562.000</b>	<b>2.469.562.000</b>	<b>2.469.562.000</b>		<b>2.469.562.000</b>	<b>2.469.562.000</b>	<b>0</b>	<b>2.469.562.000</b>	
1	Hỗ trợ UBND xã Quảng Châu để thực hiện: Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Quảng Châu thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	QĐ số 1524//QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	2.469.562.000	2.469.562.000	2.469.562.000		2.469.562.000	2.469.562.000		2.469.562.000	Đang thực hiện
III	UBND xã Phượng Chiểu		<b>2.072.326.000</b>	<b>2.072.326.000</b>	<b>2.072.326.000</b>		<b>2.072.326.000</b>	<b>2.072.326.000</b>	<b>0</b>	<b>2.072.326.000</b>	
1	Hỗ trợ UBND xã Phượng Chiểu để thực hiện: Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Phượng Chiểu thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	QĐ số 1522//QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	2.072.326.000	2.072.326.000	2.072.326.000		2.072.326.000	2.072.326.000		2.072.326.000	Đang thực hiện
B	Bổ sung vốn nhận ủy thác cho ngân hàng Chính sách xã hội				<b>3.000.000.000</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>		<b>3.000.000.000</b>	
C	Bổ sung vốn cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách				<b>300.000.000</b>		<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>		<b>300.000.000</b>	
1	Quỹ hỗ trợ nông dân				<b>300.000.000</b>		<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>		<b>300.000.000</b>	

**PHỤ LỤC 04**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 ĐÓI ỨNG CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH TỈNH HỒ TRỢ**

(Kèm theo Báo cáo số 848/BC-UBND ngày 13/12/2023 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch trung hạn còn lại				Kế hoạch năm 2024				Tiến độ thực hiện		
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	NS tỉnh, ngân sách TW, ODA	NSTP	Tổng số	Nguồn vốn TW	NS tỉnh	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Nguồn vốn TW	NS tỉnh	Nguồn thu tiền sử dụng đất
	TỔNG CỘNG					920.799.868.000	729.097.000.000	191.702.868.000	601.807.000.000	0	421.103.000.000	180.704.000.000	170.968.000.000	0	134.468.000.000	36.500.000.000		
	Ban QLDA xây dựng đầu tư xây dựng thành phố Hưng Yên					920.799.868.000	729.097.000.000	191.702.868.000	601.807.000.000	0	421.103.000.000	180.704.000.000	170.968.000.000	0	134.468.000.000	36.500.000.000		
I	Dự án chuyên tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2024					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Dự án chuyên tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024					528.966.000.000	369.612.000.000	159.354.000.000	209.972.000.000	0	61.618.000.000	148.354.000.000	70.968.000.000	0	34.468.000.000	36.500.000.000		
	Lĩnh vực giao thông																	
1	Đường giao thông xã Phú Cường – Hùng Cường (đoạn từ thôn Tân Mỹ 2 xã Phú Cường đến đè bối xã Hùng Cường)	TPHY	2.700 m	2021-2025	Số 2591/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	110.340.000.000	65.100.000.000	45.240.000.000	41.240.000.000	0	0	41.240.000.000	13.600.000.000		100.000.000	13.500.000.000	Đang thi công	
2	Đường giao thông liên xã Hồng Nam – Liên Phượng – Phượng Chiếu (đoạn từ đường Lê Định Kiên đến đường nối hai đường cao tốc)	TPHY	2.465 m	2021-2025	Số 2589/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	116.000.000.000	81.200.000.000	34.800.000.000	33.000.000.000	0	200.000.000	32.800.000.000	2.200.000.000		200.000.000	2.000.000.000	Đang thi công	
3	Cai tạo, nâng cấp đường phía Tây sông Điện Biên (đoạn từ đường Chùa Diệu đến hết địa phận thành phố Hưng Yên)	TPHY	2.850 m	2021-2025	Số 2588/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	133.000.000.000	93.100.000.000	39.900.000.000	38.400.000.000	0	500.000.000	37.900.000.000	14.500.000.000		500.000.000	14.000.000.000	Đang thi công và đang GPMB	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch trung hạn còn lại				Kế hoạch năm 2024				Tiến độ thực hiện	
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	NS tinh, ngân sách TW, ODA	NSTP	Tổng số	Nguồn vốn TW	NS tinh	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Nguồn vốn TW	NS tinh
4	Đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến Khu nhà ở thương mại Phúc Hưng)	TPHY	487 m	2021-2023	Số 2756/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	27.000.000.000	18.900.000.000	8.100.000.000	7.000.000.000	0	900.000.000	6.100.000.000	5.900.000.000		900.000.000	5.000.000.000	Chuẩn bị thi công và đang GPMB
5	Xây dựng đường giao thông An Tào - Trung Nghĩa (đoạn từ sông Điện Biên đến sông Tân An)	TPHY	1.825 m	2023-2025	Số 985/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	89.379.000.000	62.565.000.000	26.814.000.000	83.679.000.000	0	56.865.000.000	26.814.000.000	30.000.000.000		30.000.000.000		Đã phê duyệt dự án
	Lĩnh vực giáo dục																
6	Nhà lớp học 12 phòng và hạng mục phụ trợ trường tiểu học Hoàng Lê	TPHY	12 p	2022-2025	Số 1025/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	14.500.000.000	10.000.000.000	4.500.000.000	5.906.000.000	0	2.406.000.000	3.500.000.000	4.021.000.000		2.021.000.000	2.000.000.000	Đang thi công
	Lĩnh vực GPMB								0								
7	GPMB mở rộng Văn Miếu Xích Đằng, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	TPHY	1 ha	2019-2023	Số 2464/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	38.747.000.000	38.747.000.000		747.000.000	0	747.000.000	0	747.000.000		747.000.000		Đang thực hiện GPMB và xin điều chỉnh CTĐT
III	Dự án mới					391.833.868.000	359.485.000.000	32.348.868.000	391.835.000.000	0	359.485.000.000	32.350.000.000	100.000.000.000	0	100.000.000.000	0	
	Lĩnh vực giao thông																
1	Xây dựng đường Chùa Chuông kéo dài, thành phố Hưng Yên	TPHY	800 m	2023-2025	Số 1888/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	284.000.000.000	284.000.000.000		284.000.000.000	0	284.000.000.000	0	70.000.000.000		70.000.000.000		Đã phê duyệt dự án
2	Xây dựng đường giao thông xã Trung Nghĩa (đoạn từ sông Đồng Lõi đến khu dân cư mới xã Trung Nghĩa)	TPHY	1.581 m	2023-2025	Số 2378/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	77.833.868.000	54.485.000.000	23.348.868.000	77.835.000.000	0	54.485.000.000	23.350.000.000	20.000.000.000		20.000.000.000		Đã phê duyệt dự án
	Lĩnh vực y tế																
3	Cải tạo, nâng cấp trung tâm y tế thành phố Hưng Yên	TPHY	50.000 m <sup>2</sup>	2023-2025	Số 2210/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	30.000.000.000	21.000.000.000	9.000.000.000	30.000.000.000	0	21.000.000.000	9.000.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000		Đã phê duyệt dự án

**PHỤ LỤC 05**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Báo cáo số 848/BC-UBND ngày 13/12/2023 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		KH trung hạn còn lại			Kế hoạch năm 2024			Tiến độ thực hiện	
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT								
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>1.527.372.595.571</b>	<b>1.527.372.595.571</b>	<b>1.277.797.150.951</b>	<b>45.826.000.000</b>	<b>1.231.971.150.951</b>	<b>461.876.400.000</b>	<b>36.310.400.000</b>	<b>425.566.000.000</b>	
A.1	Ban QLDA xây dựng đầu tư xây dựng thành phố Hưng Yên					<b>808.651.215.100</b>	<b>808.651.215.100</b>	<b>681.755.202.093</b>	<b>45.826.000.000</b>	<b>635.929.202.093</b>	<b>153.076.400.000</b>	<b>36.310.400.000</b>	<b>116.766.000.000</b>	
I	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2024					<b>147.140.103.000</b>	<b>147.140.103.000</b>	<b>80.710.397.757</b>	<b>17.217.000.000</b>	<b>63.493.397.757</b>	<b>28.717.000.000</b>	<b>17.217.000.000</b>	<b>11.500.000.000</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Lam Sơn (đoạn từ đường Mai Hắc Đế đến đường Trần Nguyên Hãn)	Phường Lam Sơn	530 m	2021-2023	3550/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	14.994.000.000	14.994.000.000	4.994.000.000		4.994.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	Đang tổ chức GPMB và dừng thi công
2	Xây dựng đường Trần Quang Khải (đoạn từ CĐSP HY đến đường Triệu Quang Phục)	TPHY	349 m	2019-2021	2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	12.155.567.000	12.155.567.000	3.500.000.000		3.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	Đang tổ chức GPMB và dừng thi công
3	Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Hoa Thám (đoạn từ Phố Ngõ Gia Tự đến đường Triệu Quang Phục)	TPHY	368 m	2019-2021	2595/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	7.781.997.000	7.781.997.000	1.000.000.000		1.000.000.000	500.000.000		500.000.000	Đang tổ chức GPMB và dừng thi công
4	Cải tạo, nâng cấp via hè các tuyến đường Đoàn Thị Diêm, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Lê Lai, thành phố Hưng Yên	TPHY	15.349 m2	2021-2024	3773/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	21.940.000.000	21.940.000.000	6.657.000.000	4.217.000.000	2.440.000.000	4.217.000.000	4.217.000.000		Đang thi công
5	Cải tạo, nâng cấp via hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật đến Dốc Đá	TPHY	15.349 m2	2021-2024	3774/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	29.198.000.000	29.198.000.000	10.698.000.000	7.000.000.000	3.698.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000		Đang thi công
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Cường (đoạn 1: Từ đường trục xã đến nghĩa trang; đoạn 2: Từ nhà ông Hưng, thôn Kê Châu 2 đến đường trục xã)	Xã Phú Cường	900 m	2022-2024	3772/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	14.860.000.000	14.860.000.000	6.860.000.000		6.860.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	Đang thi công
7	Cải tạo nâng cấp đường từ UBND xã Hùng Cường đến đường trục xã Hùng Cường	Xã Hùng Cường	500 m	2022-2024	3770/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	5.620.089.000	5.620.089.000	2.113.089.000		2.113.089.000	1.000.000.000		1.000.000.000	Đang thi công
8	Trường mầm non Lê Hồng Phong, phường Minh Khai	Phường Minh Khai	941 m2	2022-2024	2921/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	9.222.100.000	9.222.100.000	5.000.000.000		5.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	Đang thi công
9	Cải tạo dài tường niêm các anh hùng liệt sỹ tỉnh Hưng Yên	TPHY	4 phòng	2022-2024	2928/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	12.268.350.000	12.268.350.000	4.300.000.000		4.300.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	Đang thi công

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		KH trung hạn còn lại			Kế hoạch năm 2024			Tiến độ thực hiện	
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT								
					Tổng số	NSTP	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất		
10	Xây dựng trung tâm thể thao thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà luyện tập và sân vận động)	TPHY	2 ha	2022-2024	3778/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	19.100.000.000	19.100.000.000	35.588.308.757	6.000.000.000	29.588.308.757	6.000.000.000	6.000.000.000	Đang thi công	
II	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024					484.785.688.100	484.785.688.100	402.162.804.336	19.609.000.000	382.553.804.336	86.859.400.000	19.093.400.000	67.766.000.000	
1	Xây dựng tuyến đường giao thông Bảo Khê - An Tảo - Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên	TPHY	2.400 m	2022-2025	Số 3041/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	90.659.000.000	90.659.000.000	72.659.000.000	7.437.417.159	65.221.582.841	12.238.107.803	6.972.107.803	5.266.000.000	Đang thi công
2	Xây dựng đường giao thông xã Liên Phương (đoạn từ đường trực ra QL.39)	Xã Liên Phương	580 m	2022-2025	Số 2927/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	70.585.000.000	70.585.000.000	60.585.000.000		60.585.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000	Đang thi công
3	Cải tạo via hè đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ vòng xuyến Đốc Suối đến vòng xuyến Chợ Gạo)	TPHY	28.000 m <sup>2</sup>	2022-2025	2925/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	44.449.360.000	44.449.360.000	36.349.501.000		36.349.501.000	10.000.000.000		10.000.000.000	Đang thi công
4	Cải tạo via hè đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ vòng xuyến Chợ Gạo đến vòng xuyến ngã ba Công Thương)	TPHY	33.600 m <sup>2</sup>	2022-2025	2923/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	36.965.257.000	36.965.257.000	48.686.786.000		48.686.786.000	10.000.000.000		10.000.000.000	Đang thi công
5	Cải tạo, nâng cấp via hè Chu Mạnh Trinh (đoạn từ đường Phạm Bạch Hổ đến đường Triệu Quang Phục)	TPHY	1.350 m	2022-2025	2924/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	29.672.034.000	29.672.034.000	23.758.815.000		23.758.815.000	5.000.000.000		5.000.000.000	Đang thi công
6	Trường Mầm non xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Nhà lớp học, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ)	Xã Hồng Nam	6 phòng	2021-2025	3777/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	32.277.231.000	32.277.231.000	24.660.685.000	2.121.292.197	22.539.392.803	2.621.292.197	2.121.292.197	500.000.000	Đang thi công
7	Xây dựng 04 phòng học và các phòng chức năng trường tiểu học xã Hoàng Hanh	Xã Hoàng Hanh	4 phòng	2022-2025	2922/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	9.310.112.100	9.310.112.100	7.009.000.000		7.009.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	Đang thi công
8	Xây dựng trường THCS Minh Khai, thành phố Hưng Yên	Phường Minh Khai	6.445 m <sup>2</sup>	2022-2025	2920/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	35.000.000.000	35.000.000.000	25.500.000.000		25.500.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000	Đang thi công
9	Cải tạo, chỉnh trang công viên hồ Bán Nguyệt	TPHY	10.500 m <sup>2</sup>	2022-2025	3775/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	52.847.833.000	52.847.833.000	42.934.156.336	10.050.290.644	32.883.865.692	10.000.000.000	10.000.000.000		Đang thi công
10	Cải tạo một số hạng mục công viên Nam Hòa	TPHY	HTKT	2022-2024	3776/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	19.597.861.000	19.597.861.000	6.597.861.000		6.597.861.000	4.000.000.000		4.000.000.000	Đang thi công
11	Xây dựng kè móng và đường dạo phía Tây sông Điện Biên, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Tô Hiệu đến cầu An Tảo)	TPHY	2.650 m	2022-2025	2926/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	63.422.000.000	63.422.000.000	53.422.000.000		53.422.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000	Đang thi công
III	Dự án mới					176.725.424.000	176.725.424.000	198.882.000.000	9.000.000.000	189.882.000.000	37.500.000.000	0	37.500.000.000	
1	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trong khu di tích đền Trần, đền Mẫu (Bãi Sậy, Trần Bình Trọng, Phạm Ngũ Lão) thành phố Hưng Yên	TPHY	605 m	2022-2025	Số 3484/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	17.546.000.000	17.546.000.000	17.546.000.000		17.546.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		KH trung hạn còn lại			Kế hoạch năm 2024			Tiến độ thực hiện	
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT								
						Tổng số	NSTP	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
2	Đèn chiếu sáng công cộng thành phố Hưng Yên (giai đoạn II); hạng mục Cải tạo, sửa chữa hệ thống chiếu sáng các tuyến đường còn lại khu vực trung tâm và một số tuyến đường khác, thành phố Hưng Yên	TPHY	1.500 bóng	2022-2024	Số 2634/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	13.661.000.000	13.661.000.000	13.661.000.000		13.661.000.000	3.500.000.000		3.500.000.000	
3	Cải tạo via hè, hệ thống điện chiếu sáng đường Phạm Bạch Hổ (đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến đường Dinh Độc Lập) và đường Sơn Nam	TPHY	2.833 m	2022-2025	Số 3485/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	21.414.000.000	21.414.000.000	21.414.000.000		21.414.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	
4	Xây dựng kè mái và đường dạo phía Tây sông Điện Biên, thành phố Hưng Yên (đoạn từ cầu An Tào đến hết địa phận thành phố)	TPHY	3.500 m	2022-2025	Số 3493/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	84.626.000.000	84.626.000.000	84.626.000.000		84.626.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000	
5	Xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành. Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà cầu và các hạng mục phụ trợ	TPHY		2023-2025	Số 3486/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	14.048.761.000	14.048.761.000	14.990.000.000		14.990.000.000	6.000.000.000		6.000.000.000	
6	Xây dựng trung tâm thể thao thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Bé bơi, sân Tennis và các hạng mục phụ trợ))	TPHY	Bé bơi, sân Tennis và các hạng mục phụ trợ	2022-2025	Số 3402/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	25.429.663.000	25.429.663.000	46.645.000.000	9.000.000.000	37.645.000.000	8.000.000.000		8.000.000.000	
A.2	<b>Phòng Kinh tế thành phố</b>					<b>21.968.571.000</b>	<b>21.968.571.000</b>	<b>17.468.571.000</b>	<b>0</b>	<b>17.468.571.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>	
I	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2024</b>					<b>8.468.571.000</b>	<b>8.468.571.000</b>	<b>3.968.571.000</b>		<b>3.968.571.000</b>	<b>1.000.000.000</b>		<b>1.000.000.000</b>	
1	Trồng cây xanh, hoa trang trí đường Triệu Quang Phục	TPHY	2.600 m	2021-2023	Số 1854/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	8.468.571.000	8.468.571.000	3.968.571.000		3.968.571.000	1.000.000.000		1.000.000.000	Dang thi công (vướng GPMB dự án đường Triệu Quang Phục)
II	<b>Dự án mới</b>					<b>13.500.000.000</b>	<b>13.500.000.000</b>	<b>13.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>13.500.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>3.000.000.000</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục công trình thủy lợi thuộc trạm bơm Tân Hưng, thành phố Hưng Yên	Xã Tân Hưng			Số 3461/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	13.500.000.000	13.500.000.000	13.500.000.000		13.500.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	
A.3	<b>Trường mầm non 19/5</b>					<b>8.668.562.000</b>	<b>8.668.562.000</b>	<b>4.000.000.000</b>		<b>4.000.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>		<b>2.500.000.000</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2024</b>					<b>8.668.562.000</b>	<b>8.668.562.000</b>	<b>4.000.000.000</b>		<b>4.000.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>		<b>2.500.000.000</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non 19/5	TPHY	7.885 m2	2023-2025	Số 3016/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	8.668.562.000	8.668.562.000	4.000.000.000		4.000.000.000	2.500.000.000		2.500.000.000	Dang thi công

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		KH trung hạn còn lại			Kế hoạch năm 2024			Tiến độ thực hiện	
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT								
					Tổng số	NSTP	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất		
A.4	Cơ quan thành ủy Hưng Yên					20.297.678.000	20.297.678.000	7.427.000.000		7.427.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000	
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2024					20.297.678.000	20.297.678.000	7.427.000.000		7.427.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000	
1	Xây dựng nhà khách, nhà ăn trụ sở Thành ủy, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố Hưng Yên	Phường Hiền Nam	620,1 m2	2023-2025	Số 1737/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	13.472.963.000	13.472.963.000	5.500.000.000		5.500.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	Đang thi công
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Thành ủy, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố Hưng Yên (hạng mục: Cải tạo một số phòng làm việc; Cải tạo phòng khách; Sơn lại trụ sở)	Phường Hiền Nam	Cải tạo sửa chữa	2023-2025	Số 3002/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	6.824.715.000	6.824.715.000	1.927.000.000		1.927.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	Đang thi công
A.5	Văn phòng HĐND-UBND thành phố					4.420.000.000	4.420.000.000	2.420.000.000	0	2.420.000.000	2.000.000.000	0	2.000.000.000	
I	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2024					4.420.000.000	4.420.000.000	2.420.000.000		2.420.000.000	2.000.000.000	0	2.000.000.000	
	Lĩnh vực khác													
1	Cải tạo hội trường, khu vệ sinh và chống thấm mái nhà 4 tầng trụ sở HĐND-UBND thành phố Hưng Yên	Phường Hiền Nam	Cải tạo sửa chữa	2023-2025	Số 2911/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	4.420.000.000	4.420.000.000	2.420.000.000		2.420.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	Đang thi công
A.6	Ban chỉ huy Quân sự thành phố					27.211.823.000	27.211.823.000				9.000.000.000		9.000.000.000	
I	Dự án mới					27.211.823.000	27.211.823.000				9.000.000.000		9.000.000.000	
1	Sở chỉ huy cơ bản trong căn cứ chiến đấu khu vực phòng thủ thành phố Hưng Yên	Xã Phú Cường	15.023 m2	2023-2025	Số 3328/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	27.211.823.000	27.211.823.000	27.211.823.000		27.211.823.000	9.000.000.000		9.000.000.000	
A.7	Trung tâm Văn hóa và truyền thống thành phố Hưng Yên					14.762.029.000	14.762.029.000	10.880.954.000	0	10.880.954.000	4.000.000.000	0	4.000.000.000	
I	Dự chuyển tiếp					14.762.029.000	14.762.029.000	10.880.954.000		10.880.954.000	4.000.000.000	0	4.000.000.000	
1	Nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông (truyền thanh thông minh) trên địa bàn thành phố Hưng Yên	TPHY	Bổ sung mới thiết bị tại trung tâm phường, xã và tại các khu dân cư	2023-2025	Số 1979/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	14.762.029.000	14.762.029.000	10.880.954.000		10.880.954.000	4.000.000.000		4.000.000.000	Đang thi công
A.8	Bổ sung vốn nhận ủy thác cho ngân hàng Chính sách xã hội							12.000.000.000		12.000.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		KH trung hạn còn lại			Kế hoạch năm 2024			Tiến độ thực hiện	
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT								
						Tổng số	NSTP	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
A.9	Bổ sung vốn cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách							600.000.000		600.000.000	300.000.000		300.000.000	
1	Quỹ hỗ trợ nông dân							600.000.000		600.000.000	300.000.000		300.000.000	
B	Kinh phí bố trí cho các công trình được phê duyệt quyết toán									25.000.000.000		25.000.000.000		
C	Kinh phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật các KDC mới do UBND thành phố làm chủ đầu tư					582.392.717.471	582.392.717.471	502.245.423.858	0	502.245.423.858	78.000.000.000	0	78.000.000.000	
I	Các dự án phân bổ chi tiết					281.211.434.471	281.211.434.471	210.528.307.093	0	210.528.307.093	68.000.000.000	0	68.000.000.000	
I.1	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố					206.755.348.000	206.755.348.000	156.297.774.622	0	156.297.774.622	52.000.000.000	0	52.000.000.000	
	Dự án hoàn thành					53.389.821.000	53.389.821.000	14.123.821.000	0	14.123.821.000	2.000.000.000	0	2.000.000.000	
1	Xây dựng khu dân cư ngã tư đường Phạm Bạch Hổ - Trần Hưng Đạo, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	P. Lam Sơn	3 ha	2019-2023	Số 1812/QĐ-UBND ngày 23/8/2019	53.389.821.000	53.389.821.000	14.123.821.000		14.123.821.000	2.000.000.000		2.000.000.000	Đang thi công
	Dự án chuyển tiếp					56.263.967.000	56.263.967.000	40.250.953.622	0	40.250.953.622	20.000.000.000	0	20.000.000.000	
2	Xây dựng KDC mới đường trực xã Bảo Khê (vị trí số 02)	Xã Bảo Khê	3,98 ha	2021-2023	Số 610/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	56.263.967.000	56.263.967.000	40.250.953.622		40.250.953.622	20.000.000.000		20.000.000.000	Đang lựa chọn nhà thầu xây lắp và GPMB
	Dự án mới					97.101.560.000	97.101.560.000	101.923.000.000	0	101.923.000.000	30.000.000.000	0	30.000.000.000	
3	Xây dựng khu dân cư mới Tính Linh, xã Trung Nghĩa (giai đoạn 2)	Xã Trung Nghĩa	6 ha	2022-2025	Số 3477/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	97.101.560.000	97.101.560.000	101.923.000.000		101.923.000.000	30.000.000.000		30.000.000.000	
I.2	Hạt Giao thông thành phố					74.456.086.471	74.456.086.471	54.230.532.471	0	54.230.532.471	16.000.000.000	0	16.000.000.000	
I	Dự án chuyển tiếp					74.456.086.471	74.456.086.471	54.230.532.471	0	54.230.532.471	16.000.000.000	0	16.000.000.000	
1	Khu dân cư mới Phường Lam sơn( Sau khu đô thị Tân Phú Hiền) Giai đoạn 1 : Xây dựng hạ tầng kỹ thuật vị trí 2	P. Lam Sơn	1,7 ha		Số 1952/QĐ-UBND ngày 01/08/2023	36.013.198.400	36.013.198.400	28.486.138.400		28.486.138.400	12.500.000.000		12.500.000.000	Đang thi công
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giáp bãi tập lái xe	Xã Bảo Khê	985 m		Số 2400/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	8.290.484.071	8.290.484.071	5.290.484.071		5.290.484.071	3.000.000.000		3.000.000.000	Đang thi công
1	Xây dựng HTKT khu dân cư mới xã Bảo Khê, TP HY	Xã Bảo Khê	1,8 ha		Số 4229/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	30.152.404.000	30.152.404.000	20.453.910.000		20.453.910.000	500.000.000		500.000.000	Đang thi công

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	KH trung hạn còn lại				Kế hoạch năm 2024			Tiến độ thực hiện
						TMĐT							
					Tổng số	NSTP	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
II	Các dự án chưa phân bổ chi tiết				301.181.283.000	301.181.283.000	291.717.116.765	0	291.717.116.765	10.000.000.000		10.000.000.000	
II.1	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố				262.181.283.000	262.181.283.000	252.717.116.765	0	252.717.116.765				
1	Xây dựng KDC mới đường trực xã Bảo Khê (vị trí số 01)	Xã Bảo Khê	1 ha	2020-2023	Số 3069/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	14.980.733.000	14.980.733.000	7.980.733.000	7.980.733.000				Dang thi công
2	Xây dựng KDC mới xã Phượng Chiều	Xã Phượng Chiều	2 ha	2019-2021	Số 497/QĐ-UBND ngày 06/4/2020	22.805.550.000	22.805.550.000	20.341.383.765	20.341.383.765				Đang điều chỉnh TMĐT dự án làm cơ sở phê duyệt TKBVTC
3	Khu dân cư mới phường Lam Sơn (vị trí phía Đông Bắc đô thị Tân Phố Hiến - đường Trần Hưng Đạo)	Phường Lam Sơn	4 ha	2023-2025	Số 540/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	82.179.000.000	82.179.000.000	82.179.000.000	82.179.000.000				Đã phê duyệt dự án, đang lập hồ sơ TK BVTC và đang GPMB
4	Khu dân cư mới xã Liên Phượng (phía Nam đường trực Bắc Nam Khu Đại học Phố Hiến)	Xã Liên Phượng	1 ha	2023-2025	Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 08/6/2023 của HĐND TP	23.489.000.000	23.489.000.000	23.489.000.000	23.489.000.000				Đang trình phê duyệt dự án
5	Xây dựng khu dân cư mới phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên (vị trí giáp trung tâm giao dục thường xuyên tỉnh và công ty may Hưng Long)	Phường Lam Sơn	6 ha	2021-2025	Số 83/NQ-HĐND ngày 21/12/2022	118.727.000.000	118.727.000.000	118.727.000.000	118.727.000.000				Đang trình phê duyệt dự án
II.2	Hạt Giao thông thành phố					39.000.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000	0	39.000.000.000			
1	Khu dân cư đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại phường An Tảo (phía Bắc Trường Tiêu học An Tảo)	P. An Tảo	0,7 ha		Số 110/NQ-HĐND ngày 08/06/2023	14.500.000.000	14.500.000.000	14.500.000.000	14.500.000.000				Chưa phê duyệt dự án (đang lập QH mặt bằng)
2	Khu đấu giá QSĐĐ cho nhân dân làm nhà ở tại xã Phượng Chiều, thành phố Hưng Yên (KDC phía Nam trường Mầm non xã Phượng Chiều)	Xã Phượng Chiều	1,2 ha		Số 111/NQ-HĐND ngày 08/06/2023	24.500.000.000	24.500.000.000	24.500.000.000	24.500.000.000				Chưa phê duyệt dự án (đang lập QH mặt bằng)
D	Chi đầu tư XDCB các dự án do phường, xã làm chủ đầu tư									175.000.000.000		175.000.000.000	

PHỤ LỤC 06

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 HỖ TRỢ UBND CÁC PHƯỜNG, XÃ

(Kèm theo Báo cáo số 848/BC-UBND ngày 13/12/2023 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		KH trung hạn còn lại			Kế hoạch năm 2024			Tiến độ thực hiện	
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
						Tổng số	NSTP							
	<b>Tổng cộng</b>					448.682.065.400	152.818.247.500	116.294.247.500	2.201.600.000	114.092.647.500	60.135.600.000	2.201.600.000	57.934.000.000	
I	<b>Dự án hoàn thành</b>					24.033.678.000	16.201.600.000	3.701.600.000	2.201.600.000	1.500.000.000	3.701.600.000	2.201.600.000	1.500.000.000	
1	Hỗ trợ UBND phường Lê Lợi để xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa trung tâm phường Lê Lợi	Phường Lê Lợi	735,00 m <sup>2</sup>	2021-2023	Số 1792/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	10.746.482.000	10.000.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	Đã thi công xong
2	Đường trục trung tâm xã Bảo Khê (đoạn từ Quốc lộ 39 đến sông Điện Biên); hạng mục: Mát đường, via hè, thoát nước mưa	xã Bảo Khê	700 m	2019-2021	Số 3685/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND TP quyết toán dự án	13.287.196.000	6.201.600.000	2.201.600.000	2.201.600.000		2.201.600.000	2.201.600.000		Đã quyết toán
II	<b>Dự án chuyển tiếp</b>					376.670.162.400	130.616.647.500	106.592.647.500	0	106.592.647.500	50.434.000.000	0	50.434.000.000	
1	Hỗ trợ UBND xã Phương Chiểu để xây dựng công trình: Trường Tiểu học xã Phương Chiểu; hạng mục: Nhà lớp học chức năng và hội trường	Xã Phương Chiểu	510,00 m <sup>2</sup>	2023-2025	Số 175/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND xã	14.729.427.400	6.000.000.000	4.200.000.000		4.200.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	Đang thi công
2	Hỗ trợ UBND xã Hoàng Hanh để xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa thôn Hà Châu	Xã Hoàng Hanh	199,80 m <sup>2</sup>	2023-2025	Số 3006/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	4.500.000.000	3.150.000.000	2.150.000.000		2.150.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	Đang thi công
3	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Đông Hồng, xã Phú Cường	Xã Phú Cường	206,25 m <sup>2</sup>	2023-2025	Số 3000/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND thành phố	3.500.000.000	2.450.000.000	1.650.000.000		1.650.000.000	800.000.000		800.000.000	Đang thi công
4	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Doanh Châu, xã Phú Cường	Xã Phú Cường	292,30 m <sup>2</sup>	2023-2025	Số 2597/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND thành phố	4.100.000.000	2.870.000.000	1.870.000.000		1.870.000.000	800.000.000		800.000.000	Đang thi công
5	Hỗ trợ UBND phường Quang Trung để xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa khu phố Đông Thành - Phường Quang Trung	Phường Quang Trung	328,40 m <sup>2</sup>	2023-2025	Số 3009/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	3.000.000.000	2.100.000.000	1.100.000.000		1.100.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	Đang thi công
6	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Xây dựng nhà lớp học trường THCS Phú Cường	Xã Phú Cường	742,00 m <sup>2</sup>	2022-2025	Số 3016/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	14.509.253.000	10.472.647.500	7.472.647.500		7.472.647.500	4.000.000.000		4.000.000.000	Đang thi công
7	Hỗ trợ UBND xã Hùng Cường để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (đoạn từ nhà ông Văn đến ông Trường)	Xã Hùng Cường	603,23 m	2022-2024	Số 2433/QĐ-UBND, ngày 25/10/2022	7.500.000.000	5.250.000.000	3.250.000.000		3.250.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	Đang thi công
8	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để đầu tư xây dựng công trình: Kè đá via hè sông Tân An, xây dựng đường giao thông giáp kè đá...	Xã Trung Nghĩa	Kè đá, via hè sông, Đường giao thông giáp kè đá...	2021-2025	Số QĐ 678/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 (UBND xã)	22.294.701.000	6.000.000.000	2.500.000.000		2.500.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	Đang thi công

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		KH trung hạn còn lại			Kế hoạch năm 2024			Tiến độ thực hiện	
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
9	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo nâng cấp đường giao thông thôn Đào Đặng, xã Trung Nghĩa	Xã Trung Nghĩa	3930 m	2022-2025	Số QĐ 233/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 (UBND xã)	39.850.000.000	11.000.000.000	8.000.000.000		8.000.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000	Đang thi công
10	Hỗ trợ UBND phường Lam Sơn để đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường GT phường Lam Sơn (đoạn từ nhà ông Biều khu phố Xích Đằng đến cổng ba cửa thôn Xích Đằng và đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Chùa Cao Xá)	Phường Lam Sơn	1.610 m	2023-2025	Số QĐ 132A/QĐUBND ngày 26/5/2023 (UBND phường)	74.350.605.000	22.500.000.000	22.500.000.000		22.500.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	Đang thi công
11	Hỗ trợ UBND xã Hùng Cường Cường để xây dựng công trình: Xây dựng nhà lớp học trường THCS Hùng Cường	Xã Hùng Cường	12ph		Số QĐ 634 ngày 22/9/2021 (của UBND xã Hùng Cường)	12.850.143.000	3.500.000.000	3.500.000.000		3.500.000.000	3.500.000.000		3.500.000.000	Đã thi công công
12	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học 02 tầng 14 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Trung Nghĩa	Xã Trung Nghĩa	14 Ph	2022-2024	Số 716/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 (UBND xã)	13.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	Đang thi công
13	Hỗ trợ UBND Phường Hiền Nam để xây dựng công trình: Xây dựng mới nhà lớp học 3 tầng 12 phòng học và cải tạo nhà lớp học 3 tầng 24 phòng trường Tiểu học Hiền Nam	Phường Hiền Nam	24 ph	2021-2023	Số 444/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 (UBND phường)	9.692.279.000	2.934.000.000	2.934.000.000		2.934.000.000	2.934.000.000		2.934.000.000	Đã thi công xong
14	Hỗ trợ UBND xã Hồng Nam để xây dựng công trình: Nhà văn hóa thôn Lê Như Hồ và các hạng mục phụ trợ	Xã Hồng Nam	252 m2	2022-2024	Số 189/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND xã Hồng	8.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	Đang thi công
15	Hỗ trợ UBND xã Hùng Cường Cường để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Hùng Cường	Xã Hùng Cường	724 m2	2023-2024	Số 571/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND xã Hùng Cường	4.573.504.000	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	Đang thi công
16	Hỗ trợ UBND xã Bảo Khê để thực hiện: Tuyến kè phía đông sông Điện Biên, xã Bảo Khê thành phố Hưng Yên (đoạn qua địa phận xã Bảo Khê)	Xã Bảo Khê	2580 m	2023-2025	Số 134/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND xã Hùng Cường	63.000.000.000	18.900.000.000	18.900.000.000		18.900.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000	Đang thi công
	Các dự án thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới													
17	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Trung Nghĩa (đoạn 1: Từ nhà ông Sinh đến Sông Nguyễn; Đoạn 2: Từ nhà ông Chiến đến trạm bơm Tinh Linh)	Xã Trung Nghĩa	L=950 m	2022-2025	Số 4372/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	13.600.000.000	4.080.000.000	2.856.000.000		2.856.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	Đang thi công

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		KH trung hạn còn lại			Kế hoạch năm 2024			Tiến độ thực hiện	
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
18	Hỗ trợ UBND xã Hồng Nam để xây dựng công trình: Nâng cấp đường giao thông xã Hồng Nam (đoạn từ chùa Tiểu đến nhà ông Trần)	Xã Hồng Nam	L=400m	2022-2025	Số 4216/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	5.216.000.000	1.800.000.000	1.300.000.000		1.300.000.000	600.000.000		600.000.000	Đang thi công
19	Hỗ trợ UBND xã Hoàng Hanh để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn từ nhà ông Vẽ đội 10 thôn Hà Châu đến giáp thôn Lê Lợi xã Tân Hưng)	Xã Hoàng Hanh	L=800m	2022-2025	Số 4215/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	7.400.000.000	2.220.000.000	1.620.000.000		1.620.000.000	800.000.000		800.000.000	Đang thi công
20	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên (đoạn qua thôn Kê Châu 1 và thôn Đông Hồng)	Xã Phú Cường	L=1130m	2022-2025	Số 4214/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	5.500.000.000	1.650.000.000	1.150.000.000		1.150.000.000	500.000.000		500.000.000	Đang thi công
21	Hỗ trợ UBND xã Quảng Châu để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên (đoạn từ cổng xóm 8 giáp nhà ông Quỳnh đến cổng bến đò cạnh nhà anh Bá)	Xã Quảng Châu	L=550m	2022-2025	Số 2126/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	14.920.000.000	4.476.000.000	3.176.000.000		3.176.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	Đang thi công
22	Hỗ trợ UBND xã Hùng Cường để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn đoạn từ nhà ông Qua đến đê Bối Xã thôn Phượng Hoàng xã Hùng Cường, thành phố Hưng Yên	Xã Hùng Cường	L=400m	2022-2025	Số 39/QĐ-UBND ngày 05/1/2022 của UBND xã Hùng Cường	6.950.000.000	2.085.000.000	1.485.000.000		1.485.000.000	700.000.000		700.000.000	Đang thi công
23	Hỗ trợ UBND xã Phương Chiêu để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông nông thôn xã Phương Chiêu, TP Hưng Yên	Xã Phương Chiêu	L=400m	2022-2025	Số 4370/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	7.654.250.000	2.685.000.000	1.885.000.000		1.885.000.000	900.000.000		900.000.000	Đang thi công
24	Hỗ trợ UBND xã Bảo Khê để xây dựng công trình: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường tiểu học xã Bảo Khê	Xã Bảo Khê	12 phòng; S=1500m2	2022-2025	Số 4371/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	14.980.000.000	4.494.000.000	3.094.000.000		3.094.000.000	1.400.000.000		1.400.000.000	Đang thi công
III	Dự án mới					47.978.225.000	6.000.000.000	6.000.000.000	0	6.000.000.000	6.000.000.000	0	6.000.000.000	
1	Hỗ trợ UBND xã Bảo Khê để xây dựng công trình: Xây dựng trụ sở công an xã Bảo Khê	Xã Bảo Khê	1.086 m2	2022-2025	Số 165A/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND xã Bảo Khê	12.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	Đang thi công
2	Hỗ trợ UBND xã Tân Hưng để xây dựng công trình: Xây dựng trụ sở công an xã Tân Hưng	Xã Tân Hưng		2022-2025	Số 261/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND xã Tân Hưng	12.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	Đã phê duyệt BCKTKT

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		KH trung hạn còn lại			Kế hoạch năm 2024			Tiến độ thực hiện	
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
						Tổng số	NSTP							
3	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Xây dựng trụ sở công an xã Phú Cường	Xã Phú Cường	400 m <sup>2</sup>	2023-2025	Số 257/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của UBND xã Phú Cường	11.478.225.000	1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	Đã lựa chọn nhà thầu thi công
4	Hỗ trợ UBND xã Liên Phương để xây dựng công trình: Xây dựng trụ sở công an xã Liên Phương	Xã liên Phương	400 m <sup>2</sup>	2023-2025	Số 179/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của UBND xã Liên Phương	12.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	Đã lựa chọn nhà thầu thi công

**PHỤ LỤC 07**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN XÃ HỘI HÓA**

(Kèm theo Báo cáo số 848/BC-UBND ngày 13/12/2023 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán				Kế hoạch trung hạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2024		Tiến độ thực hiện	
			Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	NS Ngân sách TW	Nguồn xã hội hóa	Tổng số	Nguồn xã hội hóa	
				Tổng số	NS Ngân sách TW	Nguồn xã hội hóa						
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>121.609.549.000</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>31.609.549.000</b>	<b>31.609.549.000</b>	<b>31.609.549.000</b>	<b>16.609.549.000</b>	<b>16.609.549.000</b>		
	<b>Lĩnh vực văn hóa</b>											
1	Tu bổ, tôn tạo quần thể di tích lịch sử và kiến trúc quốc gia đặc biệt Phố Hiến	Ban QLDA xây dựng đầu tư xây dựng thành phố Hưng Yên	Số 341/NQ-HĐND ngày 17/02/2023 của HĐND tỉnh	120.000.000.000	90.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	Đang trình thẩm định dự án	
2	Số hóa di sản văn hóa thành phố Hưng Yên	Ban quản lý khu di tích Quốc gia đặc biệt Phố Hiến	Số 146/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND thành phố	1.609.549.000		1.609.549.000	1.609.549.000	1.609.549.000	1.609.549.000	1.609.549.000	Đang trình thẩm định dự án	